TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thi.

2. Bà Khuất Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vy Hoàng Nghĩa, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên toà:

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O; địa chỉ: Số x, thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Lê Đức M; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Lê Đức M đăng ký kết hôn ngày 02/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh M không chịu tu chí làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 10/8/2023 đến nay. Vợ chồng đã cố gắng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng cả hai

đều không có tiếng nói chung. Nay chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 16/8/2020. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đức A, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Đức M; tuy nhiên anh M không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O, xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Lê Đức M. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị O được trực tiếp nuôi cháu Lê Đức A. Do chị O không yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O khởi kiện bị đơn anh Lê Đức M về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Hà Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[2] Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Đức M không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ và chứng minh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Đức M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không

có lý do. Phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị O đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Lê Đức M đăng ký kết hôn ngày 02/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 25/02/2025, bà Đỗ Thị L là mẹ đẻ của anh Lê Đức M cho biết: Anh M đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Anh M hiện đang đi làm ăn xa nhà tại huyện B, tỉnh Hà Giang, lâu lâu mới về nhà một lần. Hiện con chung của chị O với anh M là cháu Lê Đức A đang sống cùng với anh M và vợ chồng bà L tại thôn Đ, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Bà L xác nhận chị O và anh M đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay.

[5] Tại Biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Hà Giang đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Lê Đức M. Về con chung, do anh M không thường xuyên sinh sống ở nơi cư trú, không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy chị O và anh M đã ly thân từ tháng 8/2023, không còn cùng chung sống, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh M không có mặt, chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh M. Quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O về việc ly hôn với anh Lê Đức M.

[7] Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Lê Đức M có 01 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 16/8/2020, hiện nay cháu Đức A đang sống cùng với ông bà nội. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh M không phản đối nguyện vọng được nuôi con chung của chị O; anh M hiện đang làm ăn xa nhà tại huyện B, tỉnh Hà Giang, không thường xuyên về nhà. Trong khi đó, cháu Đức A còn nhỏ, vẫn cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của bố mẹ; chị O có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện và khả năng để nuôi cháu Đức A. Do đó, căn cứ điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Đức A, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O, giao cho chị O trực tiếp nuôi cháu Đức A sau khi chị O và anh M ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị O không có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy chị O có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Đức A, việc chị O không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức M không tham gia tố tụng, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 8, 19, 51, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị O ly hôn với anh Lê Đức M.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O được trực tiếp nuôi cháu Lê Đức A, sinh ngày 16/8/2020. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Lê Đức M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị O đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000515 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị O đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- UBND p. M, TPHG;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

\

Hoàng Khánh Phương